TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA GRAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 04-10-2022
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Ông Nguyễn Hồng Vũ;
- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Lan;
2. Bà Bùi Thị Nga.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Khánh Hạ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà:* Ông Lê Đình Hợp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2022/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị H; địa chỉ: Thôn 4, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn L; địa chỉ: Thôn 4, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đoàn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị H và anh Phạm Văn L kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 02 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đăk Lăk. Sau khi kết hôn, chị H và anh L cùng sinh sống tại Đăk Lăk, cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Cho đến năm 2010, chị H và anh L chuyển đến sinh sống tại xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai. Do anh L không quan tâm đến cuộc sống gia đình, thường xuyên tham gia đánh bạc thua tiền, anh L vay mượn tiền của nhiều người dẫn đến nợ nần. Chị H đã khuyên can, góp ý để anh L sửa đổi nhưng anh L không nghe, ngược lại còn có hành vi đánh đập chị H nên từ tháng 6 năm 2019, chị H đã chuyển đến nhà chị gái để sống riêng. Đến đầu năm 2020, chị H và anh L tự giải quyết mâu thuẫn nên về chung sống được một thời gian thì chị H đến tỉnh Bình Dương để làm việc. Trong thời gian sống xa cách, giữa chị H và anh L ít liên lạc, hỏi thăm nhau và chị H có nảy sinh tình cảm với một vài người khác dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Hiện tại chị H không còn tình cảm với anh L nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị H đề nghị Tòa án giải quyết giao con chưa thành niên là cháu Phạm Thị Mỹ H, sinh ngày 17/09/2005 và cháu Phạm Văn P, sinh ngày 08/6/2016 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị H đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/02 cháu cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Tại phiên tòa, chị H xin thay đổi yêu cầu khởi kiện về nuôi con, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được nuôi 02 con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn là anh Phạm Văn L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh L thừa nhận lời trình bày của chị H về thời gian kết hôn và những mâu thuẫn xảy ra trong cuộc sống sau kết hôn là đúng sự thật. Anh L cho rằng do ham vui nên có tham gia đánh bài và cũng có việc nợ tiền của một số người dẫn đến nợ nần. Tuy nhiên, lý do mà chị H nộp đơn ly hôn là do chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Cụ thể, vào khoảng thời gian tháng 3 năm 2021, chị H đến tỉnh Bình Dương để làm việc, thời gian này chị H đã phát sinh tình cảm với người khác. Anh L đã trực tiếp đến gặp chị H để nói chuyện, khuyên chị H chấm dứt sự việc trên để quay về chung sống cùng anh L nhưng chị H không đồng ý. Sau đó chị H đã nộp đơn yêu cầu quyết ly hôn. Anh L không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

- Về con chung: Anh L có ý kiến cho rằng, trong thời gian chị H không sống chung gia đình, cháu Phạm Thị Mỹ H và cháu Phạm Văn P đều do anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên anh L đề nghị tiếp tục duy trì cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Anh L không phản đối việc chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản chung của vợ chồng: Anh L không đồng ý ly hôn nên cũng không yêu cầu giải quyết vấn đề chia tài sản chung và nợ chung.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân, chấp nhận cho chị Đoàn Thị H được ly hôn với anh Phạm Văn L. Về con chung, giao cháu Phạm Thị Mỹ H, sinh ngày 17/09/2005 và cháu Phạm Văn P, sinh ngày 08/6/2016 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/02 cháu cho đến khi các chau đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Đoàn Thị H và anh Phạm Văn L xác lập hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 02 năm 2002, tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đăk Lăk nên hôn nhân hợp pháp. Chị H muốn chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh L nên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn được quy định tại Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào nội dung khởi kiện của chị Đoàn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn với anh Phạm Văn L nên quan hệ pháp luật có tranh chấp về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại: Thôn 4, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nơi bị đơn cư trú là Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Căn cứ lời khai của các đương sự; các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập, thể hiện: Chị Đoàn Thị H và anh Phạm Văn L tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân của chị H và anh L hòa thuận, hạnh phúc cho đến năm 2010 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L thiếu sự quan tâm, chăm sóc gia đình và có việc tham gia đánh bài cùng bạn bè dẫn đến nợ tiền nhiều người. Chị H khuyên can nhưng anh L không sửa đổi mà còn có hành vi bạo lực đánh chị H dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, chị H đã chuyển đến ở nhờ nhà chị ruột nên hai vợ chồng sống ly thân. Sau khi giải quyết được mâu thuẫn, chị H quay về sống chung cùng anh L nhưng tình cảm vợ chồng không còn như trước đó. Đến năm 2021, chị H đến tỉnh Bình Dương để làm việc và có nảy sinh tình cảm với người khác, anh L khuyên can nhưng chị H không chấm dứt dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng.

Anh L thừa nhận có mượn tiền đánh bài dẫn đến nợ nần và lúc bực tức có đánh chị H như chị H trình bày. Tuy nhiên, anh L cho rằng chị H muốn ly hôn là do chị H có tình cảm với người đàn ông khác. Chị H thừa nhận, trong thời gian làm việc ở tỉnh Bình Dương, chị có quen biết và này sinh tình cảm với một số người nên không giữ được sự chung thủy vợ chồng với anh L.

Căn cứ lời thừa nhận của các đương sự, thấy rằng anh L và chị H đều có lỗi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng nhưng chị H và anh L đều không có sự thông cảm, bỏ qua lỗi lầm của nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích, hòa giải nhiều lần để anh L và chị H giải quyết mâu thuẫn được đoàn tụ nhưng chị H trình bày không muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với anh L vì tình cảm vợ chồng. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L và chị H đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị H về việc ly hôn với anh Phạm Văn L.

[2.2] Về con chung: Tại phiên tòa, chị H thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các con chưa thành niên và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, hiện tại chị H sinh sống, làm việc ở địa phương khác; đồng thời tại phiên tòa chị H trình bày khi cần thiết chị H sẽ nhờ bố, mẹ của chị H nuôi dưỡng, chăm sóc các con nên không đảm bảo về điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên. Trong thời gian chị H không sống chung cùng gia đình, cháu Phạm Thị Mỹ H và cháu Phạm Văn P đều do anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo về đời sống và học tập nên cần tiếp tục suy trì sự ổn định này. Cháu Phạm Thị Mỹ H trình bày nguyện vọng mong muốn tiếp tục được sinh sống cùng với bố. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định

giao cho anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Thị Mỹ H, sinh ngày 17/09/2005 và cháu Phạm Văn P, sinh ngày 08/6/2016 cho đến khi các chau đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Chị Đoàn Thị H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000đ/tháng/02 cháu.

[3] Về án phí: Chị Đoàn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84; Điều 110 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị H về ly hôn. Không chấp nhận yêu cầu của chị Đoàn Thị H về nuôi con chung.

- Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị H được ly hôn với anh Phạm Văn L.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Mỹ H, sinh ngày 17/09/2005 và cháu Phạm Văn P, sinh ngày 08/6/2016 cho anh Phạm Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Chị Đoàn Thị H phải cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000đồng/tháng/02 cháu. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 11 năm 2022 cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Chị Đoàn Thị H và anh Phạm Văn L đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với con chung. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Đoàn Thị H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0008550 ngày 04/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai. Chị Đoàn Thị H còn phải nộp số tiền án phí 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Chị Đoàn Thị H và anh Phạm Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

4. Về thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- UBND Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đăk Lăk;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Vũ